



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ I NĂM 2025

Đà Nẵng, tháng 04 năm 2025



Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2025)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2025)
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.990.091.899.596	2.095.059.428.168
I. Tiền	110		405.212.981.185	467.127.892.045
1 . Tiền	111	V.1	18.751.981.185	20.290.892.045
2 . Các khoản tương đương tiền	112		386.461.000.000	446.837.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		236.000.000.000	254.147.000.000
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	236.000.000.000	254.147.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		616.014.394.813	531.304.978.294
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	561.714.432.758	516.827.779.410
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		47.943.061.537	4.750.973.972
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	1.757.145.000	2.342.860.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	10.309.744.864	13.093.354.258
5 . Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(5.709.989.346)	(5.709.989.346)
IV. Hàng tồn kho	140		650.713.500.333	788.055.765.802
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	652.392.634.865	791.169.053.920
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.679.134.532)	(3.113.288.118)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		82.151.023.265	54.423.792.027
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	14.047.368.586	13.026.440.121
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	63.410.888.603	41.397.351.906
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	4.692.766.076	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2025)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2025)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		807.428.751.937	827.156.188.678
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.340.225.192	3.335.572.947
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	2.342.860.000	2.342.860.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	997.365.192	992.712.947
II. Tài sản cố định	220		730.001.708.383	743.409.697.671
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	728.660.801.941	741.857.629.190
- Nguyên giá	222		2.226.231.835.944	2.205.247.960.387
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.497.571.034.003)	(1.463.390.331.197)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.340.906.442	1.552.068.481
- Nguyên giá	228		13.247.792.834	13.247.792.834
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(11.906.886.392)	(11.695.724.353)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.340.705.603	16.490.702.063
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	3.340.705.603	16.490.702.063
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	28.087.941.186	19.321.903.158
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		19.137.917.837	18.371.879.809
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(6.805.678.651)	(6.805.678.651)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.9	42.658.171.573	44.598.312.839
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		42.540.759.314	42.994.997.756
2 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		117.412.259	1.603.315.083
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.797.520.651.533	2.922.215.616.846

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2025)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2025)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.816.533.163.146	1.998.251.477.307
I. Nợ ngắn hạn	310		1.606.665.803.356	1.790.076.791.322
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	217.569.053.662	275.303.517.197
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.406.595.569	7.777.743.098
3 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	17.651.921.368	32.004.718.263
4 . Phải trả người lao động	314		322.823.883.782	327.726.660.491
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	10.349.690.219	6.704.298.618
6 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		989.365.975	87.787.572
7 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	27.803.208.538	136.191.540.073
8 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	929.440.574.705	926.129.534.398
9 . Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		51.898.300	41.898.300
10 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	71.579.611.238	78.109.093.312
II. Nợ dài hạn	330		209.867.359.790	208.174.685.985
1 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	209.233.240.874	207.696.853.193
2 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	341		634.118.916	477.832.792
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		980.987.488.387	923.964.139.539
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	980.987.488.387	923.964.139.539
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.027.080.000	360.027.080.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.027.080.000	360.027.080.000
2 . Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.090.730.000	5.090.730.000
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		217.046.175.646	216.569.826.120
4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		357.414.439.908	302.002.876.633
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		301.208.960.756	165.095.767.253
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		56.205.479.152	136.907.109.380
5 . Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		41.409.062.833	40.273.626.786
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.797.520.651.533	2.922.215.616.846

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Bình

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			năm 2025	năm 2024	năm 2025	năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.277.550.030.591	1.179.378.172.569	1.277.550.030.591	1.179.378.172.569
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		46.626.575	50.927.156	46.626.575	50.927.156
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.277.503.404.016	1.179.327.245.413	1.277.503.404.016	1.179.327.245.413
4. Giá vốn hàng bán	11		1.149.276.393.167	1.067.351.297.620	1.149.276.393.167	1.067.351.297.620
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		128.227.010.849	111.975.947.793	128.227.010.849	111.975.947.793
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	23.352.802.325	23.016.532.386	23.352.802.325	23.016.532.386
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	14.349.300.408	16.193.842.463	14.349.300.408	16.193.842.463
<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23		9.890.162.417	8.761.567.596	9.890.162.417	8.761.567.596
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	24		766.038.028	369.097.644	766.038.028	369.097.644
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	20.012.659.552	24.804.518.150	20.012.659.552	24.804.518.150
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	49.942.171.910	42.311.830.749	49.942.171.910	42.311.830.749
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21 - 22)+24-(25 + 26)]	30		68.041.719.332	52.051.386.461	68.041.719.332	52.051.386.461
12. Thu nhập khác	31	VI.6	2.748.093.884	4.372.356.527	2.748.093.884	4.372.356.527
13. Chi phí khác	32	VI.7	658.260.746	1.165.366.000	658.260.746	1.165.366.000
14. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32)	40		2.089.833.138	3.206.990.527	2.089.833.138	3.206.990.527
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		70.131.552.470	55.258.376.988	70.131.552.470	55.258.376.988
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		10.703.001.971	9.147.341.941	10.703.001.971	9.147.341.941
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.642.188.948	1.528.558.221	1.642.188.948	1.528.558.221
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		57.786.361.551	44.582.476.826	57.786.361.551	44.582.476.826
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		56.205.479.152	45.143.710.261	56.205.479.152	45.143.710.261
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.580.882.399	(561.233.435)	1.580.882.399	(561.233.435)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				1.464	1.157

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 04 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Bình

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mẫu B 03a – DN/HN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

CHỈ TIÊU	M ã số	Kỳ tài chính từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Kỳ tài chính từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 .Lợi nhuận trước thuế	01	70.131.552.470	55.258.376.988
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	34.413.767.458	30.324.620.453
- Các khoản dự phòng	03	(1.424.153.586)	(6.455.159.233)
- Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.048.798.307	4.830.414.874
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(6.363.286.089)	(5.834.005.671)
- Chi phí lãi vay	06	9.890.162.417	8.761.567.596
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động (08 = 01+02+03+04+05+06)	08	107.696.840.977	86.885.815.007
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(111.162.331.154)	28.790.687.207
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	138.776.419.055	196.075.905.197
- Tăng, giảm các khoản phải trả(không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(36.776.439.372)	(114.440.456.704)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(588.592.636)	(3.039.794.243)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.934.900.171)	(8.993.106.818)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(24.043.628.562)	(10.980.081.262)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	303.000.000	300.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.245.549.648)	(9.880.572.457)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	57.024.818.489	164.718.395.927

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ tài chính từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Kỳ tài chính từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(31.556.173.108)	(35.316.449.866)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	9.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(77.500.000.000)	(86.451.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	88.232.715.000	87.992.417.730
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27	5.594.370.858	6.520.282.841
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.229.087.250)	(27.245.658.386)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.017.878.270.648	930.375.390.484
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.014.810.373.618)	(705.947.603.839)
3. Cổ tức, lợi tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(106.778.539.129)	(32.884.414.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(103.710.642.099)	191.543.372.645
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(61.914.910.860)	329.016.110.186
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	467.127.892.045	210.985.575.944
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	405.212.981.185	540.001.686.130

Đà Nẵng, Ngày 25 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Ngọc Bình

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 61,87% vốn. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày trên đây đã được hợp nhất số liệu của Tổng công ty và các công ty con trong toàn tập đoàn, bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần Thời Trang Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An
- Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Duy Xuyên
- Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ Thăng Bình
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây Dựng Hòa Thọ

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán:

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VNĐ”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Tổng công ty và các công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:

1. Cơ sở hợp nhất:

1.1. Công ty con:

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

1.2. Lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

1.3. Công ty liên kết:

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

1.4. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại các công ty liên kết này.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định.

Khấu hao được tính theo phương pháp thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|------------------------------------|--------------|
| - Nhà cửa | 10 – 25 năm. |
| - Máy móc và thiết bị: | 5 – 15 năm. |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn: | 5 – 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý: | 3 – 5 năm. |
| - Tài sản khác: | 2 – 5 năm. |
| - Phần mềm máy tính: | 3 – 5 năm. |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 10 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:

* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chi có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.

* Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ được hoàn thành và phần lớn rủi ro, lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho bên mua.

* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.

10. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:

- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
 - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
 - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
 - Thuế suất 8%: áp dụng cho các hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024.
 - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất hiện hành 20%
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Đơn vị tính: Đồng Việt Nam****V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:****1. Tiền và các khoản tương đương tiền:**

	31/03/2025	01/01/2025
Tiền mặt tại quỹ	135.472.601	227.792.036
– VND	135.472.601	227.792.036
Tiền gửi ngân hàng	18.616.508.584	20.063.100.009
– VND	4.879.910.465	14.269.520.909
– USD	13.736.598.119	5.793.579.100
Tương đương tiền	386.461.000.000	446.837.000.000
Cộng	405.212.981.185	467.127.892.045

2. Các khoản đầu tư tài chính:**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	236.000.000.000	236.000.000.000	254.147.000.000	254.147.000.000
- Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Cộng	244.000.000.000	244.000.000.000	254.147.000.000	254.147.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Phú Ninh	4.000.000.000	(2.318.338.577)	4.000.000.000	(2.389.163.963)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	6.428.000.000	11.028.256.414	6.428.000.000	10.333.043.772
Cộng	10.428.000.000	8.709.917.837	10.428.000.000	7.943.879.809

*** Đầu tư vào đơn vị khác**

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Bông và kinh doanh tổng hợp Miền Trung	855.702.000	(505.678.651)	855.702.000	(505.678.651)
Công ty Cổ phần bao bì Hòa thọ Quảng Đà	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP HCM	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)
Cộng	7.755.702.000	(6.805.678.651)	7.755.702.000	(6.805.678.651)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Quảng Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	121.841.522	216.675.661
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.402.594.000	30.280.517.823
Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	602.515.351	683.660.424
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.114.784.340	21.231.837.663
Công ty mẹ - Tập Đoàn Dệt May Việt Nam		
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.097.034.704	7.645.085.619

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :

	31/03/2025	01/01/2025
<i>MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED</i>	150.191.367.113	160.078.938.476
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	107.101.752.590	124.387.033.539
<i>HULTAFORS GROUP AB</i>	55.876.331.612	39.270.862.745
<i>DESTINATION XL GROUP INC</i>	63.169.451.510	36.098.677.084
<i>Các khách hàng khác</i>	185.375.529.933	156.992.267.566
Tổng cộng	561.714.432.758	516.827.779.410

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:**

	31/03/2025	01/01/2025
Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh	91.596.000	-
Tập Đoàn Dệt May Việt Nam	33.002.901	121.055.860
Tổng cộng	124.598.901	121.055.860

4. Các khoản phải thu khác:**a, Phải thu ngắn hạn khác:**

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	1.803.187.291	-	1.516.186.862	-
Ký cược, ký quỹ	164.456.250	-	164.456.250	-
Phải thu khác	8.342.101.323	-	11.412.711.146	-
Cộng	10.309.744.864	-	13.093.354.258	-

b, Phải thu dài hạn khác:

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng, ký quỹ khác	997.365.192	-	992.712.947	-
Cộng	997.365.192	-	992.712.947	-

c, Phải thu về cho vay ngắn hạn:

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	1.757.145.000	-	2.342.860.000	-
Cộng	1.757.145.000	-	2.342.860.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***d, Phải thu về cho vay dài hạn:**

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	2.342.860.000	-	2.342.860.000	-
Cộng	2.342.860.000	-	2.342.860.000	-

5. Hàng tồn kho:

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	18.800.000	-	116.568.120.966	(487.038.128)
Nguyên vật liệu	246.866.255.744	-	218.277.432.394	(294.882.197)
Công cụ dụng cụ	2.374.454.895	-	1.163.593.998	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	360.071.501.080	(193.678.688)	338.134.768.457	(311.122.549)
Thành phẩm	33.892.906.624	(941.860.197)	38.749.002.229	(1.250.715.386)
Hàng hóa	3.511.073.657	(299.013.136)	5.266.692.940	(468.659.940)
Hàng gửi đi bán	5.657.642.865	(244.582.512)	73.009.442.936	(300.869.918)
Cộng	652.392.634.865	(1.679.134.532)	791.169.053.920	(3.113.288.118)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Tài sản cố định hữu hình:

Chỉ tiêu	Nhóm	Nhà cửa kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư tại ngày 01/01/2025		513.541.062.465	1.429.806.603.581	140.230.092.982	15.370.908.954	106.299.292.405	2.205.247.960.387
Mua mới trong năm		102.085.575	1.487.487.050	379.618.183	-	963.606.000	2.932.796.808
Chuyển từ XDCB dở dang		1.674.821.131	16.376.257.618	-	-	-	18.051.078.749
Số dư tại ngày 31/03/2025		515.317.969.171	1.447.670.348.249	140.609.711.165	15.370.908.954	107.262.898.405	2.226.231.835.944
Giá trị đã hao mòn							
Số dư tại ngày 01/01/2025		243.784.850.286	1.051.367.367.126	63.382.845.949	9.723.219.146	95.132.048.690	1.463.390.331.197
Khấu hao trong kỳ		6.173.515.000	23.041.318.058	3.751.105.599	301.064.018	913.700.131	34.180.702.806
Số dư tại ngày 31/03/2025		249.958.365.286	1.074.408.685.184	67.133.951.548	10.024.283.164	96.045.748.821	1.497.571.034.003
Giá trị còn lại							
Số dư tại ngày 01/01/2025		269.756.212.179	378.439.236.455	76.847.247.033	5.647.689.808	11.167.243.715	741.857.629.190
Số dư tại ngày 31/03/2025		265.359.603.885	373.261.663.065	73.475.759.617	5.346.625.790	11.217.149.584	728.660.801.941

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 879.146 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản cố định vô hình:**

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 01/01/2025	13.247.792.834
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 31/03/2025	13.247.792.834
Khấu hao	
Số dư tại ngày 01/01/2025	11.695.724.353
Tăng trong kỳ	211.162.039
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 31/03/2025	11.906.886.392
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 01/01/2025	1.552.068.481
Số dư tại ngày 31/03/2025	1.340.906.442

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 9.626 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/03/2025	01/01/2025
+ Đầu tư dự án nhà máy Triệu Phong - GD 3	406.240.000	-
+ Đầu tư thiết bị ngành sợi	2.260.680.500	16.376.257.618
+ Các công trình khác	673.785.103	114.444.445
Cộng	3.340.705.603	16.490.702.063

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Chi phí trả trước:**

	31/03/2025	01/01/2025
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn	14.047.368.586	13.026.440.121
b. Dài hạn:		
Chi phí trả trước dài hạn	42.540.759.314	42.994.997.756
Cộng	56.588.127.900	56.021.437.877

10. Phải trả người bán ngắn hạn:

- Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn:***

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/03/2025	01/01/2025
HULTAFORS GROUP AB	36.409.461.766	23.110.495.965
Các nhà cung cấp khác	181.159.591.896	252.193.021.232
	217.569.053.662	275.303.517.197

*** Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/03/2025	01/01/2025
- Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.682.951.927	4.584.283.628
- Công ty Cổ phần may Hoà Thọ Quảng Nam	1.328.897.815	6.264.687
Tổng cộng	9.011.849.742	4.590.548.315

11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:

a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:

	01/01/2025	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	31/03/2025
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	4.692.766.076	-	-	4.692.766.076
Cộng	-	-	4.692.766.076	-	-	4.692.766.076

b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2025	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	31/03/2025
Thuế GTGT bán hàng nội địa	4.812.967.617	28.998.429.461	(16.780.988.025)	(11.141.022.090)	-	5.889.386.963
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	27.159.527.101	(27.159.527.101)	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	6.786.494.872	(6.786.494.872)	-	-	-
Thuế thu nhập DN	24.033.991.325	10.703.001.971	(24.043.628.562)	-	-	10.693.364.734
Thuế thu nhập cá nhân	3.157.759.321	3.209.277.878	(6.364.470.653)	-	-	2.566.546
Các loại thuế khác	-	1.119.768.064	(53.164.939)	-	-	1.066.603.125
Cộng	32.004.718.263	77.976.499.347	(81.188.274.152)	(11.141.022.090)	-	17.651.921.368

c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:

	01/01/2025	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	31/03/2025
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	41.397.351.906	49.303.768.388	(16.148.135.663)	(11.141.022.090)	(1.073.938)	63.410.888.603
Cộng	41.397.351.906	49.303.768.388	(16.148.135.663)	(11.141.022.090)	(1.073.938)	63.410.888.603

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Chi phí phải trả ngắn hạn:

	31/03/2025	01/01/2025
<i>Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê, in</i>	<i>1.035.348.739</i>	<i>381.777.196</i>
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>364.839.915</i>	<i>409.577.669</i>
<i>Chi phí thuê đất</i>	<i>3.032.622.713</i>	<i>-</i>
<i>Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)</i>	<i>2.514.668.829</i>	<i>2.398.804.350</i>
<i>Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng, thực phẩm, hoa hồng (đơn vị may)</i>	<i>3.396.845.023</i>	<i>3.467.422.055</i>
<i>Các chi phí khác</i>	<i>5.365.000</i>	<i>46.717.348</i>
Cộng	10.349.690.219	6.704.298.618

13. Phải trả ngắn hạn khác:

	31/03/2025	01/01/2025
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>19.762.791.187</i>	<i>20.023.823.327</i>
<i>Lãi cổ tức phải trả</i>	<i>3.169.448.600</i>	<i>109.598.042.600</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>4.870.968.751</i>	<i>6.569.674.146</i>
Cộng	27.803.208.538	136.191.540.073

14. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	31/03/2025	Phát sinh trong kỳ		01/01/2025
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng 1	59.548.675.200	55.187.808.355	27.508.720.999	31.869.587.844
+ Ngân hàng 2	102.862.792.078	232.341.017.361	374.078.382.927	244.600.157.644
+ Ngân hàng 3	681.789.816.854	649.033.467.043	462.672.673.562	495.429.023.373
+ Ngân hàng 4	32.045.689.202	19.082.602.958	14.810.835.169	27.773.921.413
+ Ngân hàng 5	13.116.267.517	38.404.355.225	111.650.995.653	86.362.907.945
+ Ngân hàng 6	31.910.765.952	31.910.765.952	31.666.283.486	31.666.283.486
+ Ban liên lạc hưu trí	265.041.096	-	-	265.041.096
Cộng	921.539.047.899	1.025.960.016.894	1.022.387.891.796	917.966.922.801

b, Vay dài hạn:

	31/03/2025	Phát sinh trong kỳ		01/01/2025
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	209.233.240.874	5.292.002.012	3.755.614.331	207.696.853.193
Cộng	209.233.240.874	5.292.002.012	3.755.614.331	207.696.853.193

c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:

	31/03/2025	Phát sinh trong kỳ		01/01/2025
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	7.901.526.806	168.485.720	429.570.511	8.162.611.597
Cộng	7.901.526.806	168.485.720	429.570.511	8.162.611.597

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty và các công ty con.

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	360.027.080.000	206.579.950.294	227.896.456.204	3.300.280.000	39.002.269.282	836.806.035.780
- Tăng vốn trong năm	-	-	(1.790.450.000)	1.790.450.000	-	-
- Phân bổ vào các quỹ	-	9.989.875.826	(9.989.875.826)	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	280.917.941.380	-	1.586.157.698	282.504.099.078
- Cổ tức	-	-	(180.013.540.000)	-	(181.053.000)	(180.194.593.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(15.017.655.125)	-	(133.747.194)	(15.151.402.319)
Số dư tại ngày 31/12/2024	360.027.080.000	216.569.826.120	302.002.876.633	5.090.730.000	40.273.626.786	923.964.139.539
Số dư tại ngày 01/01/2025	360.027.080.000	216.569.826.120	302.002.876.633	5.090.730.000	40.273.626.786	923.964.139.539
- Phân bổ vào các quỹ	-	476.349.526	(476.349.526)	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	56.205.479.152	-	1.580.882.399	57.786.361.551
- Cổ tức	-	-	-	-	(349.945.129)	(349.945.129)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(317.566.351)	-	(95.501.223)	(413.067.574)
Số dư tại ngày 31/03/2025	360.027.080.000	217.046.175.646	357.414.439.908	5.090.730.000	41.409.062.833	980.987.488.387

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	31/03/2025	01/01/2025
Vốn góp của Tập đoàn Dệt may Việt Nam	222.742.050.000	222.742.050.000
Vốn góp của các đối tượng khác	137.285.030.000	137.285.030.000
Cộng	360.027.080.000	360.027.080.000

c, Cổ phiếu:

	31/03/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 01/01/2025	78.109.093.312
Trích lập trong năm từ lợi nhuận thuần	413.067.574
Tăng khác trong kỳ	303.000.000
Sử dụng trong kỳ	(7.245.549.648)
Số dư tại ngày 31/03/2025	71.579.611.238

17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:

• Ngoại tệ các loại:

	31/03/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
USD	541.321,64	13.736.598.119	229.374,04	5.793.579.100

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
+ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	1.264.978.167.199	1.169.061.983.214
+ Doanh thu hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	12.571.863.392	10.316.189.355
Cộng	1.277.550.030.591	1.179.378.172.569

b, Các khoản giảm trừ doanh thu:

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Hàng bán bị trả lại	46.626.575	50.927.156
Cộng	46.626.575	50.927.156

2. Giá vốn hàng bán:

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Giá vốn bán hàng và gia công hàng dệt may	1.141.601.601.361	1.066.472.988.348
Giá vốn dịch vụ khác	9.108.945.392	7.333.468.505
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.434.153.586)	(6.455.159.233)
Cộng	1.149.276.393.167	1.067.351.297.620

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***3. Doanh thu hoạt động tài chính:**

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ứng trước	5.597.248.061	5.287.817.118
Chiết khấu thanh toán	2.615.939	85.433
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.752.938.325	17.560.629.835
Lợi nhuận được chia	-	168.000.000
Cộng	23.352.802.325	23.016.532.386

4. Chi phí tài chính:

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Chi phí lãi tiền vay	9.890.162.417	8.761.567.596
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	3.410.339.684	2.601.859.993
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.048.798.307	4.830.414.874
Cộng	14.349.300.408	16.193.842.463

5. Chi phí bán hàng:

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Chi phí nhân viên	1.722.502.214	1.828.608.563
Chi phí vật liệu, bao bì	164.632.723	196.762.812
Chi phí dụng cụ đồ dùng	800.341.802	887.840.789
Chi phí khấu hao TSCĐ	193.692.131	223.302.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.461.939.317	17.956.049.293
Chi phí bằng tiền khác	3.669.551.365	3.711.953.717
Cộng	20.012.659.552	24.804.518.150

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Chi phí nhân viên	22.172.124.082	20.826.040.383
Chi phí đồ dùng văn phòng	754.466.239	1.011.570.687
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.074.434.703	2.746.939.900
Thuế, phí và lệ phí	5.830.201.407	3.529.030.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.704.007.731	4.829.719.304
Chi phí bằng tiền khác	10.406.937.748	9.368.529.946
Cộng	49.942.171.910	42.311.830.749

7. Thu nhập khác:

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	-	9.090.909
Các khoản thu khác	2.748.093.884	4.363.265.618
Cộng	2.748.093.884	4.372.356.527

8. Chi phí khác:

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Các khoản chi khác	658.260.746	1.165.366.000
Cộng	658.260.746	1.165.366.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	612.029.221.536	579.700.033.225
Chi phí nhân công	387.286.741.851	298.215.611.592
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.413.767.458	30.324.620.453
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.762.663.320	162.971.401.223
Cộng	1.168.492.394.165	1.071.211.666.493

10. Báo cáo bộ phận:

Một bộ phận là một phần không thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác .

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

a) Bộ phận theo vùng địa lý

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Tổng công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

Tổng công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Thụy Điển
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Các vùng địa lý khác

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	Trung Quốc		Hoa Kỳ		Thụy Điển		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	3T2025	3T2024	3T2025	3T2024	3T2025	3T2024	3T2025	3T2024	3T2025	3T2024	3T2025	3T2024	3T2025	3T2024	3T2025	3T2024
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	371.982.167	448.735.533	332.461.869	249.762.099	100.746.831	65.736.818	142.095.232	108.689.749	-	16.643.360	75.443.506	112.587.930	254.773.799	177.171.755	1.277.503.404	1.179.327.245
Kết quả kinh doanh của bộ phận	21.984.683	39.171.705	35.984.406	37.652.904	5.916.148	5.698.818	8.808.259	8.563.599	-	1.623.174	33.870.685	6.513.644	21.662.829	12.752.104	128.227.011	111.975.948
Thu nhập không phân bổ															24.118.840	23.385.630
Chi phí không phân bổ															84.304.132	83.310.190
Kết quả từ hoạt động kinh doanh															68.041.719	52.051.386
Thu nhập khác															2.748.094	4.372.357
Chi phí khác															658.261	1.165.366
Thuế TNDN															12.345.191	10.675.900
Lợi nhuận thuần sau thuế															57.786.362	44.582.477

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

b) Bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Tổng công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong hai lĩnh vực kinh doanh là:

* May mặc

* Sợi

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	May mặc		Sợi		Loại trừ nội bộ		Hợp nhất	
	3T2025	3T2024	3T2025	3T2024	3T2025	3T2024	3T2025	3T2024
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	1.043.166.226	937.859.474	234.337.178	241.467.771	-	-	1.277.503.404	1.179.327.245
Doanh thu giữa các bộ phận	36.642.096	34.467.526	19.954.626	9.829.390	(56.596.722)	(44.296.916)	-	-
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	1.079.808.322	972.327.000	254.291.804	251.297.161	(56.596.722)	(44.296.916)	1.277.503.404	1.179.327.245
Kết quả kinh doanh của bộ phận	108.908.359	98.552.223	19.318.652	13.423.725	-	-	128.227.011	111.975.948
Doanh thu tài chính							23.352.802	23.016.532
Chi phí tài chính							14.349.300	16.193.842
Phần lãi trong công ty liên kết							766.038	369.098
Chi phí không phân bổ							69.954.832	67.116.349
Kết quả hoạt động khác không phân bổ							2.089.833	3.206.991
Lợi nhuận trước thuế không phân bổ							70.131.552	55.258.377
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							10.703.002	9.147.342
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							1.642.189	1.528.558
Lợi nhuận thuần sau thuế							57.786.362	44.582.477

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	May mặc		Sợi		Hợp nhất	
	31/03/2025	01/01/2025	31/03/2025	01/01/2025	31/03/2025	01/01/2025
Tài sản của bộ phận phân bổ	1.581.470.122	1.622.677.154	474.457.155	518.755.281	2.055.927.277	2.141.432.435
Tài sản không phân bổ					741.593.374	780.783.181
Tổng tài sản					2.797.520.651	2.922.215.616
Nợ phải trả của bộ phận phân bổ	1.234.282.229	1.452.091.337	299.037.033	274.032.811	1.533.319.262	1.726.124.148
Các khoản nợ không phân bổ					283.213.901	272.127.330
Tổng nợ phải trả					1.816.533.163	1.998.251.477

	May mặc		Sợi		Hợp nhất	
	31/03/2025	01/01/2025	31/03/2025	01/01/2025	31/03/2025	01/01/2025
Chi tiêu vốn					31.556.173	186.162.984
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					34.180.703	124.434.418
Khấu hao tài sản cố định vô hình					211.162	779.663

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Anh Thảo

Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tường Long

Nguyễn Thị Tường Long



Đà Nẵng, Ngày 25 tháng 04 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Bình

Nguyễn Ngọc Bình

